

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 59/2008/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2008

**NGHỊ ĐỊNH**  
**về Giấy chứng minh Công an nhân dân**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật công an nhân dân ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Giấy chứng minh Công an nhân dân

1. Giấy chứng minh Công an nhân dân là loại giấy chỉ cấp cho sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đang phục vụ tại ngũ trong lực lượng Công an nhân dân theo chế độ chuyên nghiệp.

2. Giấy chứng minh Công an nhân dân được cấp nhằm mục đích sau:

a) Chứng minh người được cấp Giấy chứng minh Công an nhân dân là sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đang phục vụ tại ngũ trong lực lượng Công an nhân dân theo chế độ chuyên nghiệp;

b) Phục vụ công tác chiến đấu, bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội;

c) Phục vụ công tác quản lý sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân.

**Điều 2.** Đối tượng được cấp Giấy chứng minh Công an nhân dân

1. Giấy chứng minh Công an nhân dân cấp cho sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đang phục vụ tại ngũ trong lực lượng Công an nhân dân theo chế độ chuyên nghiệp.

2. Giấy chứng nhận cấp cho hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn; công nhân, nhân viên; nhân viên tạm tuyển đang phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

**Điều 3.** Cấp, đổi, thu hồi Giấy chứng minh Công an nhân dân

1. Giấy chứng minh Công an nhân dân được cấp, đổi khi cũ nát hoặc sĩ quan, hạ sĩ quan có sự thay đổi về:

a) Chức vụ: từ cán bộ lên lãnh đạo, chỉ huy; từ cấp Phó lên cấp Trưởng; từ lãnh đạo, chỉ huy cấp dưới lên lãnh đạo, chỉ huy cấp trên và ngược lại;

b) Cấp bậc hàm: từ hạ sĩ quan lên sĩ quan cấp úy; từ sĩ quan cấp úy lên sĩ quan cấp tá; từ sĩ quan cấp tá lên sĩ quan cấp tướng và ngược lại;

c) Đơn vị, địa bàn công tác.

2. Giấy chứng minh Công an nhân dân phải được thu hồi khi sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu, chuyển ngành, xuất ngũ, bị tước danh hiệu Công an nhân dân.

3. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, đổi, thu hồi Giấy chứng minh Công an nhân dân theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

## Chương II

### NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**Điều 4.** Mẫu Giấy chứng minh Công an nhân dân

1. Kích thước: 53,98 mm x 85,6 mm.

2. Kỹ thuật trình bày.

a) Mặt trước:

Màu nền đỏ cờ, có khung màu vàng kích thước 49 mm x 81 mm, giữa khung là Quốc huy in nổi đường kính 23 mm. Trên Quốc huy là dòng chữ: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, dưới Quốc huy là 2 dòng chữ: GIẤY CHỨNG MINH; CÔNG AN NHÂN DÂN; các dòng chữ màu vàng;

b) Mặt sau:

- Giữa là Công an hiệu in chìm, đường kính 21 mm, xung quanh hoa văn hình rẽ quạt màu hồng.

- Bên trái từ trên xuống là hình Công an hiệu in nổi, đường kính 13 mm, phía dưới là hình ảnh của người được cấp Giấy, dưới ảnh ghi nhóm máu.

- Bên phải từ trên xuống là các dòng chữ: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM; GIẤY CHỨNG MINH CÔNG AN NHÂN DÂN; SỐ; họ tên; sinh ngày, cấp bậc; chức vụ; đơn vị, ngày.... tháng.... năm...; Thủ trưởng đơn vị (Bộ trưởng, Thứ trưởng, Tổng cục trưởng, Giám đốc) cấp giấy ký tên và đóng dấu.

**Điều 5.** Sử dụng Giấy chứng minh Công an nhân dân

Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân chỉ sử dụng Giấy chứng minh Công an nhân dân khi thi hành công vụ và theo đúng quy định tại Điều 1, Điều 3 Nghị định này.

**Điều 6.** Trách nhiệm sản xuất, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, đổi, thu hồi Giấy chứng minh Công an nhân dân

Bộ Công an chịu trách nhiệm tổ chức sản xuất, cấp phát phôi, hướng dẫn trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, đổi, thu hồi Giấy chứng minh Công an nhân dân theo quy định của pháp luật.

**Điều 7.** Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân khi thi hành công vụ xuất trình Giấy chứng minh Công an nhân dân giới thiệu là cán bộ Công an thì các cơ quan, tổ chức và mọi cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện để sĩ quan, hạ sĩ quan đó thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, tổ chức và mọi cá nhân có trách nhiệm và có quyền phát hiện, phản ánh với cơ quan Công an, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vi phạm trong việc sử dụng, quản lý Giấy chứng minh Công an nhân dân, Giấy chứng nhận cấp cho các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này.

**Điều 8.** Xử lý vi phạm

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân sử dụng Giấy chứng minh Công an nhân dân sai mục đích, sửa chữa, cho mượn, làm mất hoặc giữ Giấy chứng minh Công an nhân dân khi không còn được sử dụng thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm làm giả và sử dụng Giấy chứng minh Công an nhân dân giả để mạo danh cán bộ, chiến sĩ Công an.

Người làm giả hoặc lưu giữ, sử dụng Giấy chứng minh Công an nhân dân giả vào bất cứ mục đích gì, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

### Chương III

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 9.** Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 33/2001/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2001 của Chính phủ về “Giấy chứng minh An ninh nhân dân” và “Giấy chứng nhận Cảnh sát nhân dân”.

**Điều 10. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng